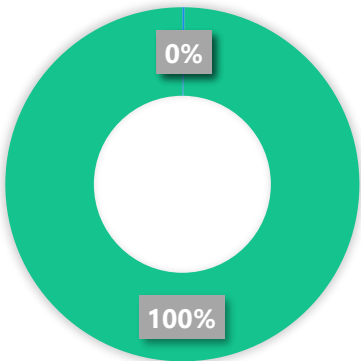


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		26,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		28,229
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		22,630
SL cổ phiếu LH		20,685,717
KLGD BQ 20 phiên (CP)		750
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		548
P/E		12.7
EPS		2,086

	YTD	1T	3T	6T
HC3	1.9%	3.8%	3.8%	1.9%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

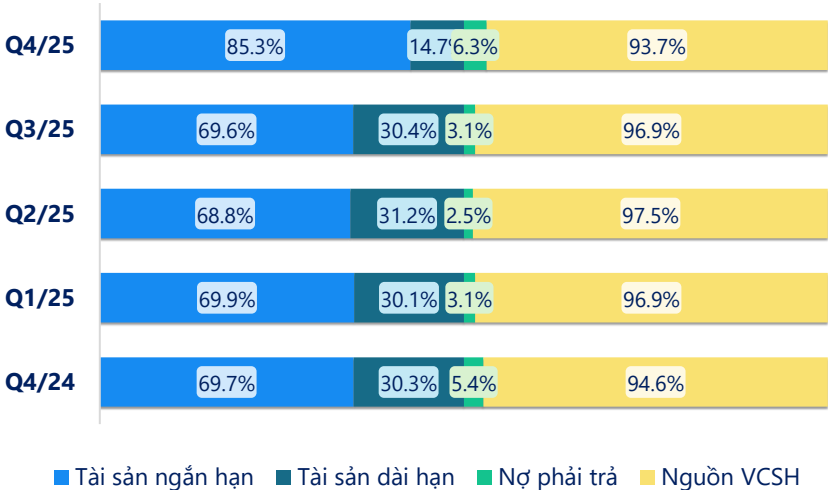
Cơ cấu sở hữu



- Sở hữu nước ngoài
- Sở hữu nhà nước
- Sở hữu khác

(Nguồn: fireant.vn)

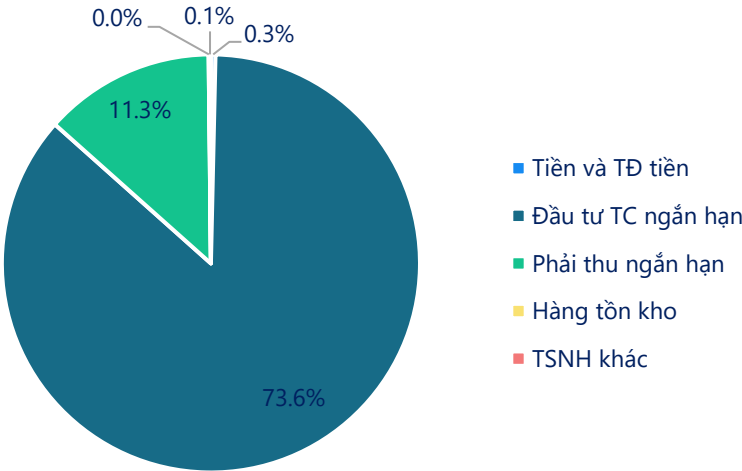
Cơ cấu Tổng tài sản



- Tài sản ngắn hạn
- Tài sản dài hạn
- Nợ phải trả
- Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

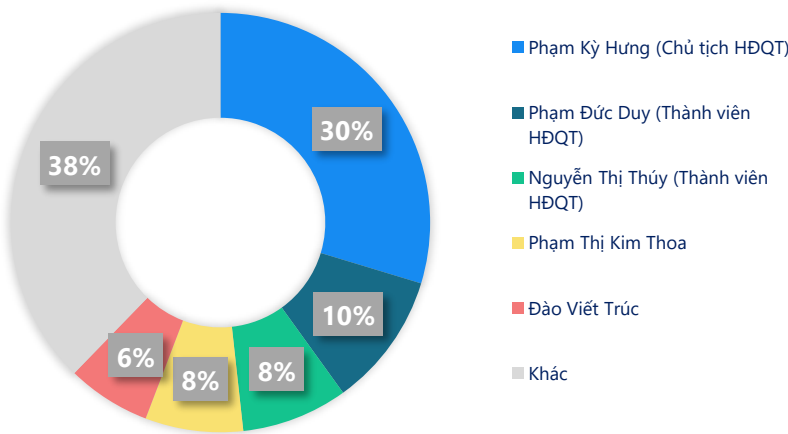
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Q4/25

(Nguồn: fireant.vn)

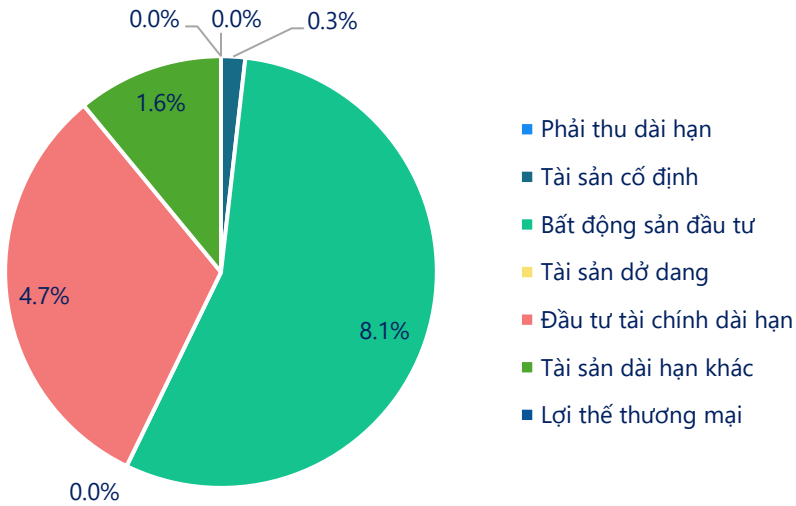
Cơ cấu cổ đông



- Phạm Kỳ Hưng (Chủ tịch HĐQT)
- Phạm Đức Duy (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Thị Thủy (Thành viên HĐQT)
- Phạm Thị Kim Thoa
- Đào Viết Trúc
- Khác

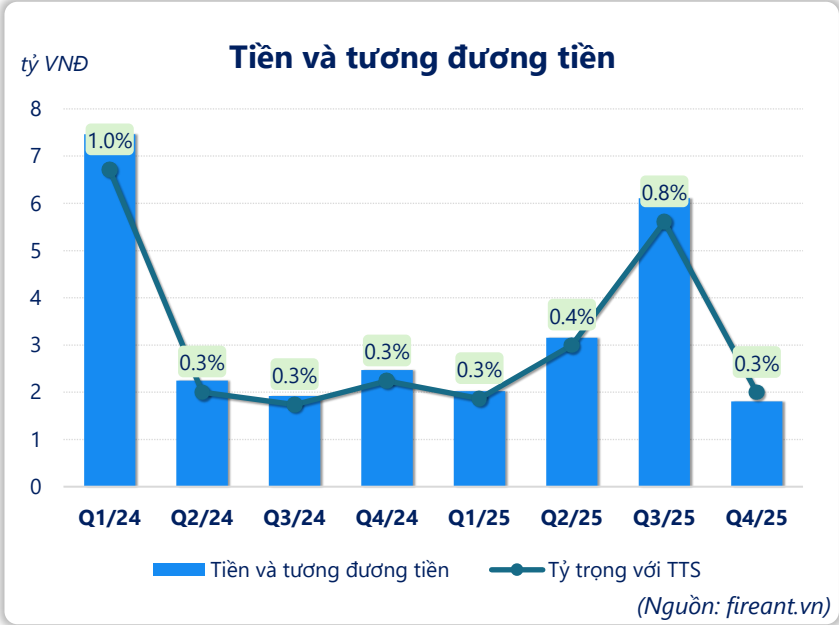
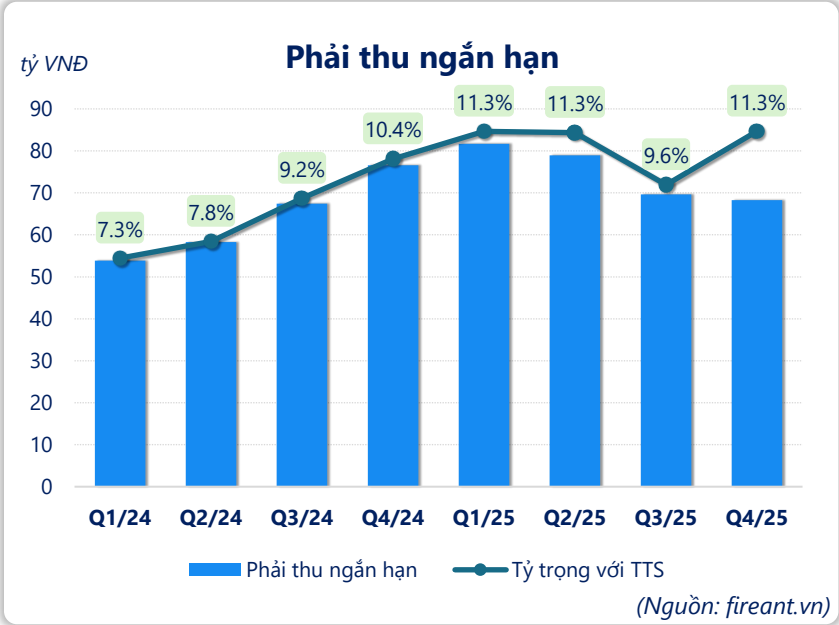
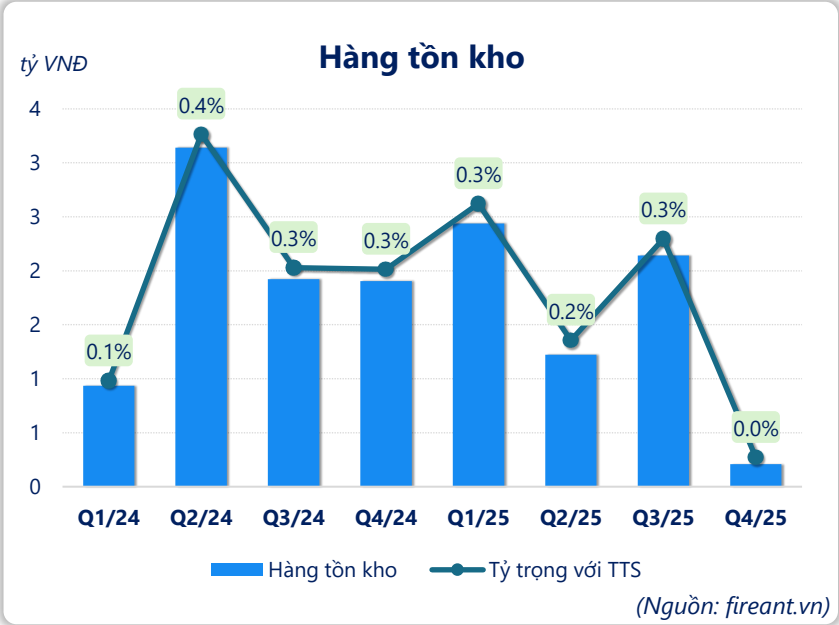
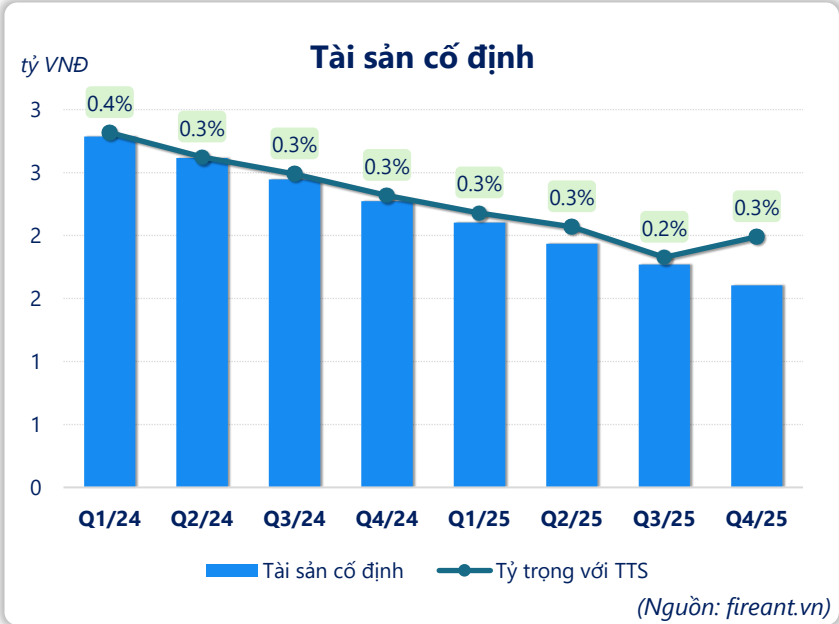
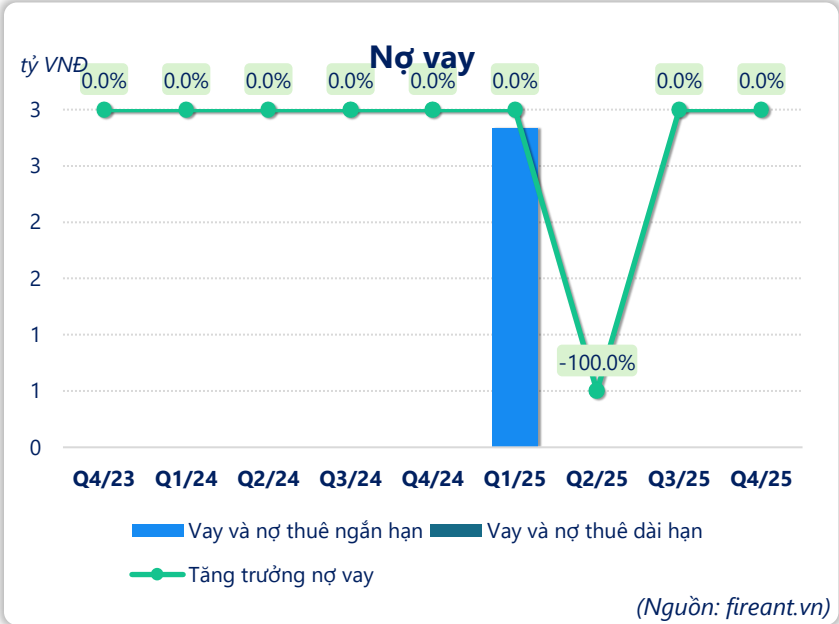
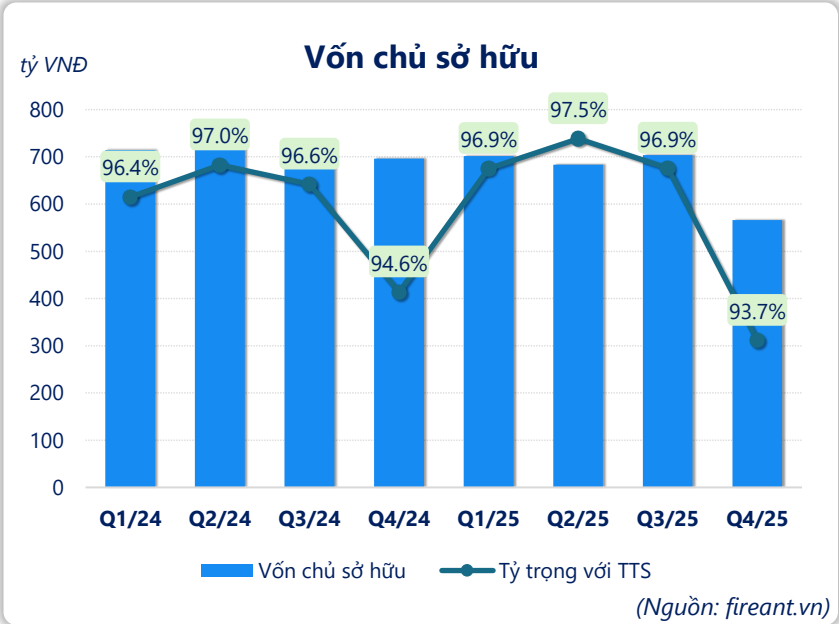
(Nguồn: fireant.vn)

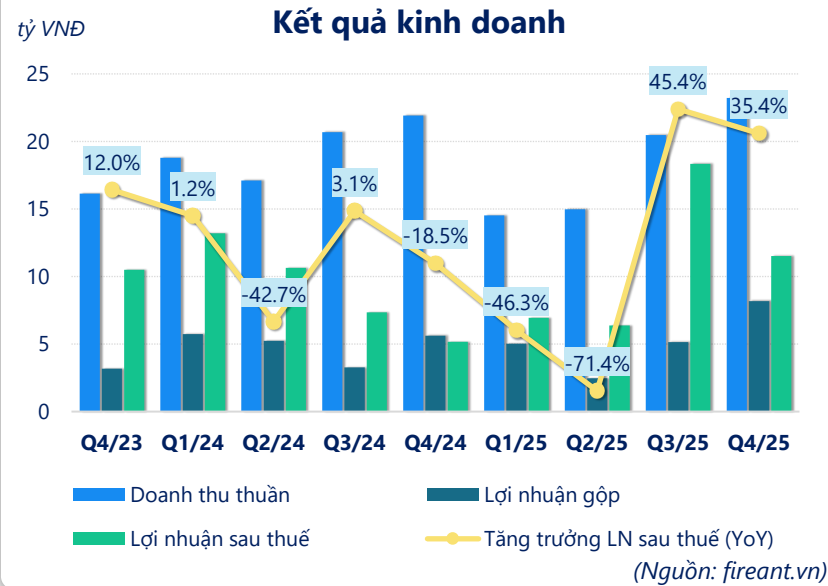
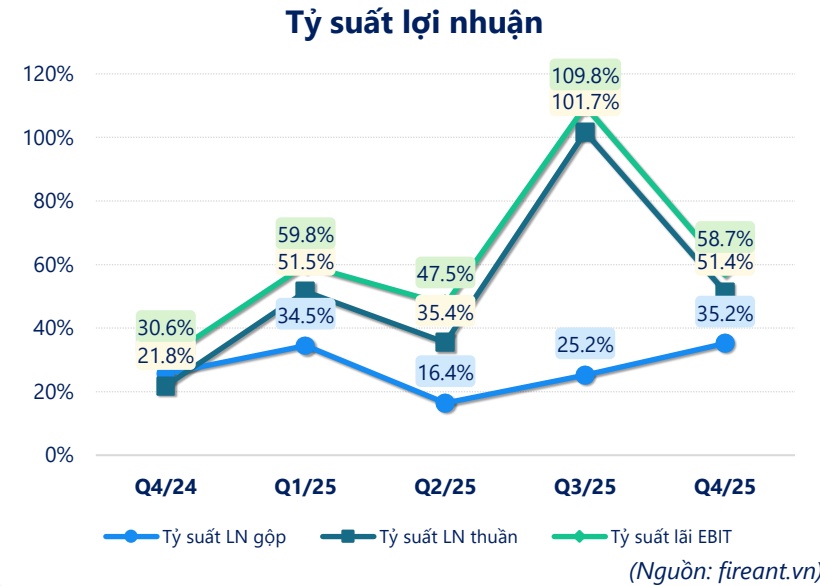
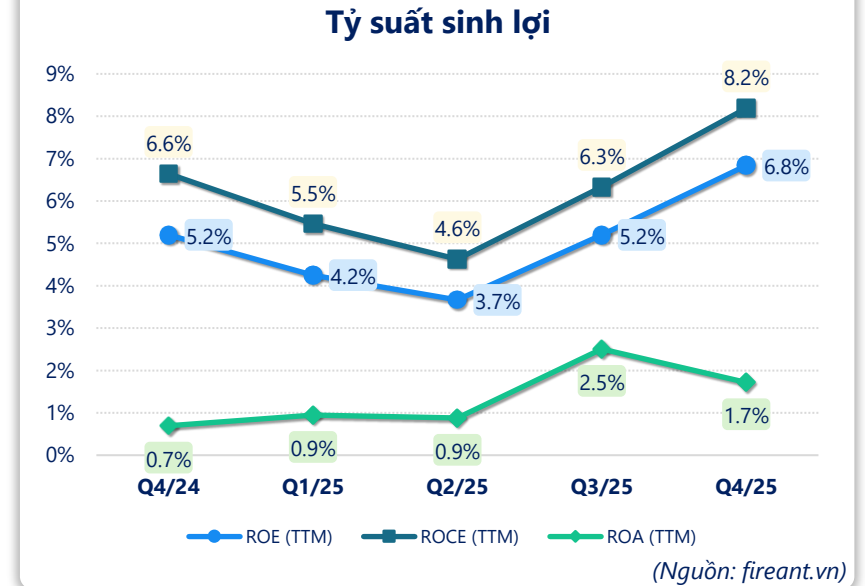
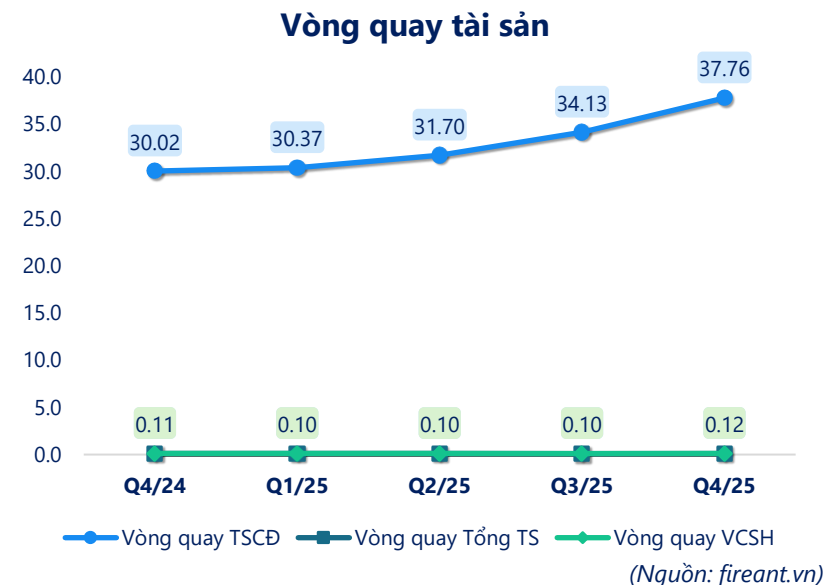
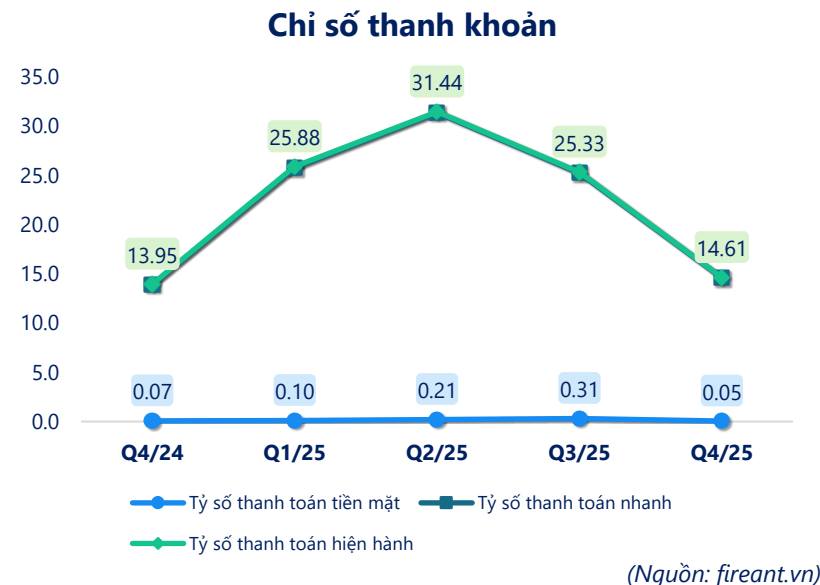
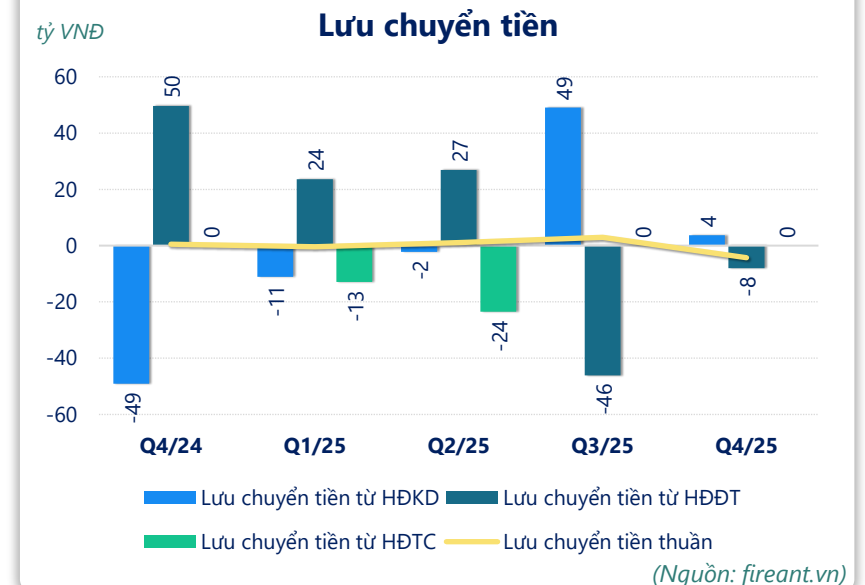
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



Q4/25

(Nguồn: fireant.vn)





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	604	736	-17.9%
Tài sản ngắn hạn	516	515	0.2%
Tiền và tương đương tiền	1.81	2.47	-26.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	445	431	3.1%
Phải thu ngắn hạn	68.2	78.5	-13.1%
Hàng tồn kho	0.21	1.90	-89.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.71	0.29	146%
Tài sản dài hạn	88.7	221	-59.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1.60	2.27	-29.5%
Bất động sản đầu tư	49.1	54.3	-9.6%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	28.2	157	-82.0%
Tài sản dài hạn khác	9.72	7.51	29.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	37.9	39.6	-4.2%
Nợ ngắn hạn	35.3	36.7	-4.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.97	0.71	35.5%
Nợ dài hạn	2.64	2.83	-6.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	566	696	-18.6%
Vốn chủ sở hữu	566	696	-18.6%
Vốn điều lệ	207	207	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	21.9	14.5	15.0	20.5	23.2
Giá vốn hàng bán	16.3	9.52	12.5	15.3	15.1
Lợi nhuận gộp	5.63	5.01	2.46	5.15	8.17
Doanh thu HĐTC	6.85	5.41	7.10	10.1	9.87
Chi phí TC	4.37	1.19	4.33	-6.56	2.97
Chi phí lãi vay	0	0	0.00	0.00	0
LN trong công ty LKLD	-1.49	-0.05	1.68	1.75	0
Chi phí bán hàng	0.11	0.06	0.13	0.72	1.09
Chi phí QLDN	1.73	1.64	1.47	2.02	2.04
LN thuần từ HĐKD	4.78	7.48	5.31	20.8	11.9
Lợi nhuận khác	1.93	1.22	1.80	1.66	1.67
LN trước thuế	6.71	8.70	7.11	22.5	13.6
Lợi nhuận sau thuế	5.16	6.94	6.37	18.3	11.5
LNST của CĐ cty mẹ	5.16	6.94	6.37	18.3	11.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-49.1	-11.1	-2.24	49.0	3.72
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	49.6	23.6	26.9	-46.1	-8.01
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-13.0	-23.5	0	0
Tiền đầu kỳ	1.92	2.47	2.02	3.15	6.11
Lưu chuyển tiền thuần	0.55	-0.45	1.13	2.95	-4.29
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	2.47	2.02	3.15	6.11	1.81

(Nguồn: fireant.vn)